

Phẩm 5: PHÂN BIỆT TÙY MIÊN
(Gồm 69 Tụng)

1. Tùy miên gốc các hữu
2. Có sáu loại sai biệt
3. Là tham, sân và mạn
4. Vô minh, kiến và nghi.
5. Sáu thành bảy do tham
6. Hai giới trên tham hữu
7. Vì chuyển đổi bên trong
8. Nên chướng ngại giải thoát.
9. Sáu thành mười do kiến
10. Hữu thân kiến khác nhau
11. Riêng chấp kiến, tà kiến
12. Kiến thủ, giới cấm thủ.
13. Sáu hành bộ, giới khác
14. Lập thành chín tám loại
15. Cõi Dục kiến khổ đoạn
16. Mười bảy, bảy, tám, bốn
17. Theo thứ tự loại trừ
18. Tam nhị kiến kiến nghi
19. Sắc, Vô sắc, trừ sân
20. Ngoài ra như cõi Dục..
21. Nhẫn làm hại tùy miên
22. Hữu đảnh chỉ kiến đoạn
23. Chỗ khác kiến, tu đoạn
24. Trí làm hại do tu.
25. Ngã, ngã sở, đoạn, thường
26. Bác không, thấp làm cao
27. Phi nhân đạo, Thánh đạo
28. Tự thể năm loại kiến.
29. Đối với Đại Tự tại v.v...
30. Phi nhân vọng chấp nhân
31. Theo thường, ngã, đảo sinh
32. Nên chỉ kiến khổ đoạn.
33. Tự thể bốn điên đảo
34. Có từ ba loại kiến
35. Duy đảo suy tăng cố

36. Tưởng tâm tùy kiến lực.
37. Bảy, chín mạn từ ba
38. Đều do kiến, tu đoạn
39. Bạc Thánh như sát triển
40. Tu đoạn không hiện hành.
41. Loại mạn v.v và ngã mạn
42. Ác tác trong bất thiện
43. Bạc Thánh giả không khởi
44. Tăng trưởng do kiến nghi.
45. Do kiến khổ, tập đoạn
46. Các kiến, nghi tương ứng
47. Và vô minh bất cộng
48. Biến hành nơi tự giới
49. Trong ấy trừ hai kiến
50. Chín thứ khác duyên trên
51. Trừ đặc, duyên địa trên
52. Đều thuộc biến hành này
53. Thuộc kiến, diệt, đạo đoạn
54. Tà kiến, nghi tương ứng
55. Và vô minh bất cộng
56. Sáu hay duyên vô lậu
57. Trong ấy duyên diệt pháp
58. Tức diệt của tự địa
59. Duyên đạo địa sáu, chín
60. Do biệt trị tương nhân
61. Tham, sân, mạn hai thủ
62. Duyên tịnh, phi vô lậu
63. Nên lia cảnh chẳng oán
64. Tánh tịnh tĩnh tối thắng
65. Chưa đoạn biến, tùy duyên
66. Tất cả trong địa mình
67. Phi biến ở bộ mình
68. Nhờ duyên nên tùy tăng
69. Chẳng phải duyên vô lậu
70. Không nhiếp pháp hữu vi
71. Tùy nơi pháp tương ứng
72. Tương ứng nên tùy tăng.
73. Tùy miên hai cõi trên

74. Và thân, biên Cõi dục
75. Kia thuộc si, vô ký
76. Ngoài ra đều bất thiện.
77. Căn bất thiện cõi Dục
78. Tham, sân, si bất thiện.
79. Căn vô ký có ba
80. Ái, si, tuệ vô ký
81. Chẳng phải hai cử khác
82. Sự khác lập bốn loại
83. Tức ái, kiến, mạn, si
84. Ba định đều do si.
85. Đáp bằng cách phân biệt
86. Hỏi lại và từ chối
87. Hỏi tử sinh thù thắng
88. Ngã, uẩn một hay khác v.v...
89. Bị trói ở sự vật
90. Chưa đoạn tham, sân, mạn
91. Quá, hiện hoặc đã khởi
92. Ý biến hành vị lai
93. Tự thế năm thức sinh
94. Không sinh cũng biến hành
95. Quá, vị, biến hành khác
96. Hiện tại duyên năng hiện.
97. Ba đời do Phật thuyết
98. Quả, cảnh hai điều kiện
99. Nói ở trong ba đời
100. Nên nói nhất thiết hữu.
101. Trong đây có bốn thứ
102. Loại, tướng, vị, đãi khác
103. Thứ ba nương tác dụng
104. Lập thời là tốt nhất.
105. Điều gì ngăn tác dụng
106. Không khác không lập đời?
107. Thật hữu gì sinh, diệt
108. Tánh pháp ấy sâu xa.
109. Nương kiến khổ đã đoạn
110. Còn biến hành tùy miên
111. Và phẩm trước đã đoạn

112. Vẫn còn phiến não khác.
113. Kiến khổ, tập, tu đoạn
114. Nếu hệ thuộc Dục giới
115. Ba tự giới, một sắc
116. Chỗ hành thức vô lậu.
117. Sắc, dưới, tự có ba
118. Ở trên cảnh thức tịnh
119. Vô sắc thông ba cõi
120. Ba duyên thanh tịnh thức.
121. Chỗ kiến diệt, đạo đoạn
122. Đều tăng thức tự loại
123. Vô lậu trong ba cõi
124. Sau ba cảnh, tịnh thức.
125. Tâm tùy miên hai loại
126. Là nhiễm và vô nhiễm
127. Tâm nhiễm thông hai thứ
128. Vô nhiễm chỉ tùy tăng.
129. Vô minh, nghi, tà, thân,
130. Biên kiến, giới kiến thủ
131. Tham, mạn, sân thứ lớp
132. Do trước dẫn sau sinh.
133. Do tùy miên chưa đoạn
134. Và cảnh tùy xuất hiện
135. Tác ý phi lý khởi
136. Nói hoặc đủ nhân duyên.
137. Phiến não, triền Dục giới
138. Trừ si gọi dục lậu
139. Hữu lậu hai giới trên
140. Chỉ phiến não trừ si
141. Đồng cửa trong, vô ký
142. Định địa nên hợp nhất
143. Vô minh gốc các hữu
144. Lập riêng thành một lậu
145. Bộc lưu, ách cũng vậy
146. Biệt lập kiến vì nhay
147. Kiến thường không thuận trụ
148. Nên không lập thành lậu
149. Dục, hữu và với si

150. Kiến phân hai gọi thủ
151. Vô minh không biệt lập
152. Vì không phải năng thủ.
153. Hai cách vi tế tăng
154. Tùy trực và tùy phược
155. Trụ, chảy trôi đeo bám
156. Là nghĩa của tùy miên.
157. Do sai biệt của kết v.v...
158. Nên nói có năm loại.
159. Chín kết có vật, thủ v.v...
160. Lập nên kiến, thủ kết
161. Hai loại này bất thiện
162. Và tự tại khởi lên
163. Trong triền có tật, xan
164. Thiết lập thành hai kết
165. Hoặc hai loại số hành
166. Làm nhân sự nghèo hèn
167. Biến hiện tùy phiền não
168. Gây não loạn hai bộ.
169. Năm kết thuộc hạ phần
170. Do hai không thoát Dục
171. Do ba hoàn Dục giới
172. Thâu môn, căn nên ba
173. Hoặc do không muốn đến
174. Mê mờ và nghi ngờ
175. Hay chướng ngại giải thoát
176. Nên chỉ nói đoạn ba.
177. Năm kết thuận thượng phần
178. Hai tham Sắc, Vô sắc
179. Trạo cử, mạn, vô minh
180. Khiến không vượt thượng giới.
181. Ba phược do ba thọ.
182. Tùy miên trước đã nói.
183. Ngoài ra tùy phiền não
184. Tâm nhiễm sở, hành uẩn.
185. Tám triền không hổ, thẹn
186. Tật, xan và hối miên
187. Và trạo cử, hôn trầm

188. Thêm phần, phú là mười
189. Không hổ, xan, trạo cử
190. Điều theo tham mà sinh
191. Không thẹn, miên, hôn trầm
192. Theo vô minh sinh khởi
193. Tật, phần nường sân khởi
194. Hối theo nghi, phú, tránh.
195. Sáu phiền não là não,
196. Hại, hận, siểm, cuống, kiêu
197. Cuống, kiêu theo tham sinh.
198. Hại, hận theo sân khởi.
199. Não theo kiến thủ khởi.
200. Siểm theo các kiến sinh.
201. Triền vô tâm, quý, miên
202. Hôn, trạo kiến tu đoạn
203. Triền khác và phiền não
204. Tự tại nên tu đoạn
205. Ba Dục hai ác khác
206. Cõi trên đầu vô ký.
207. Siểm, cuống : Dục, sơ định.
208. Ba cõi ba, Dục khác.
209. Kiến đoạn trừ mạn, miên
210. Tùy phiền não tự tại
211. Điều ở địa ý khởi
212. Số khác nường sáu thức.
213. Các phiền não Dục giới
214. Tham, hỷ tương ứng hỷ lạc
215. Sân ưu, khổ. Si khắp
216. Tà kiến, ưu và hỷ
217. Nghi ưu năm với hỷ
218. Tất cả tương ứng xả
219. Địa trên đều tùy ứng
220. Khắp các thọ tự thức.
221. Trong các tùy phiền não
222. Tật, hối, não và phần
223. Hại, hận, ưu đều khởi
224. Xan, hỷ, thọ tương ứng
225. Siểm, cuống và miên phú

226. Cùng ưu, hỷ đều khởi
227. Kiêu, hỷ lạc đều xả
228. Bốn thứ tương ứng thọ.
229. Năm “cái” ở cõi Dục
230. Thực, trị dụng giống nhau
231. Tuy hai lập một “cái”
232. Chương uẩn thành năm “cái”.
233. Do biến tri sở duyên
234. Đoạn trừ năng duyên kia
235. Đoạn trừ sở duyên kia
236. Đối trị khởi nên đoạn.
237. Đối, trị có bốn loại
238. Là đoạn, trì, viển, yếm.
239. Nên biết từ sở duyên
240. Nên các hoặc được đoạn.
241. Tánh viển có bốn loại
242. Là tướng, trị, xứ, thời
243. Như đại chủng, thi-la
244. Phương khác, thế giới khác.
245. Các hoặc không lại đoạn
246. Lìa buộc được nhiều lần
247. Gọi trị sinh, đắc quả
248. Luyện căn trong sáu thời.
249. Có chín đoạn biến tri
250. Dục sơ, nhị đoạn một
251. Hai một hợp thành ba
252. Ba cõi trên cũng vậy
253. Năm khác thuận phần dưới
254. Sắc giới đoạn cả ba.
255. Trong ấy sáu quả nhĩn
256. Ba quả khác, trí quả
257. Tất cả vị chí quả
258. Năm hoặc tám căn bản
259. Vô sắc có một quả
260. Ba căn bản cũng vậy
261. Hai thế tục, chín Thánh
262. Pháp trí ba loại hai
263. Phẩm pháp trí sáu quả

264. Phẩm loại trí năm quả.
265. Được vô lậu đoạn đặc
266. Và khiếm khuyết Hữu Đảnh
267. Diệt hai nhân, vượt giới
268. Nên lập chín biến tri.
269. Kiến đế chưa thành tựu
270. Hoặc thành một đến năm
271. Tu thành sáu, một, hai
272. Vô học chỉ thành một.
273. Siêu vượt cõi được quả
274. Hai xứ tập, biến tri.
275. Xả một, hai, năm, sáu
276. Trừ năm đặc cũng vậy.
